TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **50**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2021.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thế Hiệu.

2. Bà Lò Thị Minh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Thị Nga, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1991, có mặt.

Địa chỉ: Tiểu khu 1/5, xã C, huyện M, tỉnh S.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 30/11/2021, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

Chị L và anh T kết hôn với nhau với nhau từ ngày 07/01/2009, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Quá trình chung sống ngay thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính T không hợp, nên chị L và anh T đã sống ly thân với nhau ngay năm 2009, từ khi sống ly thân anh T về làm ăn sinh sống tại thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội cho đến nay. Từ đó hai anh chị không đi lại thăm hỏi nhau nữa, xét thấy T cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: chị L xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Trần Xuân T khai.

Anh T và chị L kết hôn với với nhau từ ngày 07/01/2009, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Quá trình chung sống ngay thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính T không hợp, nên anh và chị L đã sống ly thân với nhau ngay năm 2009, từ khi sống ly thân anh T về làm ăn sinh sống tại thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội cho đến nay. Từ đó hai anh chị không đi lại thăm hỏi nhau nữa, xét thấy T cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn với anh T, anh T nhất trí.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Đã có đơn lựa

chọn Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử cho chị Hà Thị L được ly hôn với anh Trần Xuân T.

Về án phí: chị Hà Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả trL tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện, đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đã có bản tự khai, có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng với nhau về quan điểm sống và chính thức hai anh chị đã sống ly thân với nhau năm 2009. Từ đó hai anh chị không đi lại thăm hỏi nhau nữa, xét thấy T cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn với anh T, anh T nhất trí.

Xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho hai anh chị được ly hôn.

[3] Về con chung: Hai đương sự đều xác định chưa có con chung với nhau nên không đề cập việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai đương sự đều xác định không có, nên không đề cập việc giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự đều xác định quá trình chung sống không có nợ chung nên không đề cập việc giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Hà Thị L được ly hôn với anh Trần Xuân T.

2. Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí DS/ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000576, ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn anh Trần Xuân T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án DS Mộc Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

Các hội thẩm **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA
_____

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

Mộc Châu, ngày 23 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Minh và ông Nguyễn Thế Hiệu.

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi … giờ … phút ngày 23/12/2021, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: xin ly hôn giữa.

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1991, có mặt.

Địa chỉ: Tiểu khu 1/5, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. HĐXX thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết, quyết định các nội dung cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Hà Thị L được ly hôn với anh Trần Xuân T.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

2. Về con chung:

Về con chung: Hai đương sự đều xác định chưa có con chung với nhau nên không đề cập việc giải quyết.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

3. Về tài sản chung: Hai đương sự đều xác định không có, nên không đề cập việc giải quyết.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

4. Về nợ chung: Các đương sự đều xác định quá trình chung sống không có nợ chung nên không đề cập việc giải quyết.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

5. Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí DS/ST được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000576, ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh T La.

Báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị đơn anh Trần Xuân T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Các hội thẩm **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**